

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **257/2020/DS-ST**

Ngày: 19/8/2020

V/v: *Tranh chấp đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Hoàn Xanh
2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 417/2019/TLST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 293/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 373/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;

Địa chỉ: số 30 đường số B, Phường M, quận T, Thành Phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Hồ T; địa chỉ: số 18/5 khu phố 4, phường T, Quận M, Thành phố H. *(Có mặt)*

(Giấy ủy quyền số 031513; Quyết số 10/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 12/10/2019).

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Lan T, sinh năm 1972; *(Vắng mặt)*

Địa chỉ: số 225/57 đường T, phường P, quận K, Thành Phố H.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Thiệu Phú D, sinh năm 1969; *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số 225/57 đường T, phường P, quận K, Thành Phố H.

- Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1962; *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: số 30 đường số B, Phường M, quận T, Thành Phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền là bà Trần Thị Hồ T trình bày:

Ngày 12/3/2015, bà Nguyễn Thị T cho bà Trần Thị Lan T mượn số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), bà T có viết giấy tay làm tin, ký tên và hứa 01 năm sẽ trả lại cho bà T. Tổng cộng bà T đã trả cho bà T 04 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*), cụ thể: lần 1 ngày 01/11/2016 trả 100.000.000 đồng, lần 2 ngày 24/01/2017 trả 100.000.000 đồng, lần 3 ngày 21/6/2017 trả 50.000.000 đồng, lần 4 ngày 20/6/2018 trả 50.000.000 đồng. Từ 2018 đến nay, bà T đã nhiều lần liên hệ nhưng bà T chỉ hứa hẹn mà không tiếp tục trả tiền cho bà.

Do đó, nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T trả cho bà T số tiền là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), không yêu cầu tiền lãi và yêu cầu trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Số tiền bà T cho bà T mượn là tiền riêng của cá nhân bà T, ông Nguyễn Văn S (là chồng bà T) không biết và không có liên quan. Đồng thời bà T cũng không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông Thiệu Phú D (chồng bà T) trong việc trả số tiền trên do đây là việc vay mượn riêng giữa bà và bà T, ông D không có mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị Lan T trình bày:

Do quen biết nên bà T có cho bà mượn tiền nhiều lần, tổng số tiền 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Bà có ký xác nhận giấy tay với bà T. Sau đó bà đã trả tiền gốc nhiều lần, hiện chỉ còn nợ lại bà T số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) như bà T trình bày là đúng. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa trả được số tiền nợ này cho bà T. Bà xin bà T cho thời gian để trả hết số tiền nợ này. Việc bà mượn tiền của bà T không liên quan đến ông Thiệu Phú D (là chồng bà) do bà sử dụng số tiền đó để làm việc cá nhân, ông D không biết. Bà yêu cầu tự chịu trách nhiệm trả nợ cho bà T, không liên quan đến ông D.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S trình bày:

Ông là chồng của bà Nguyễn Thị T, số tiền mà bà T cho bà T mượn không liên quan đến ông và ông cũng không có ý kiến gì. Ông xin vắng mặt khi tòa án hòa giải, xét xử và tất cả các giai đoạn khác để giải quyết vụ kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Thiệu Phú D trình bày:

Ông là chồng của bà Trần Thị Lan T, số tiền mà bà T mượn của bà T ông không liên quan, không biết và cũng không có ý kiến gì. Ông xin tòa án giải quyết, hòa giải, xét xử vắng mặt.

Tòa án nhân dân quận K đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 28/5/2020 và 26/6/2020 để các đương sự giải quyết tranh chấp nhưng không thành. Do đó, Tòa án tiến hành lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên Tòa hôm nay:

- Bà Trần Thị Hồ T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Trần Thị Lan T vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn S và ông Thiệu Phú D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định tại Bộ luật Tổ tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là đã tự nguyện từ chối quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Qua các tài liệu có trong hồ sơ có thể xác định bà Trần Thị Lan T có nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 700.000.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận chữ viết và chữ ký trong giấy nợ và đồng ý trả cho bà T số tiền 700.000.000 đồng nhưng không xác định được thời hạn trả. Vì vậy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trần Thị Lan T trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 700.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét Đơn khởi kiện của nguyên đơn và Giấy mượn tiền viết tay của bị đơn. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp đòi tài sản. Do bị đơn bà Trần Thị Lan T cư trú tại quận K nên Tòa án nhân dân quận K thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Đây là tranh chấp dân sự về kiện đòi tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự.

- *Về thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt bị đơn:* Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn bà Trần Thị Lan T vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Lan T.

- *Về thủ tục xét xử vắng mặt người liên quan:* Ông Nguyễn Văn S và ông Thiệu Phú D có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên hòa giải, đối chất, xét xử. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S và ông D.

[2]. Xét các yêu cầu của các đương sự:

- *Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi.*

Hội đồng xét xử xét thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có sự việc vay mượn tiền (bị đơn thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy mượn tiền). Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Giấy mượn tiền viết tay và sự thừa nhận của cả nguyên đơn và bị đơn thể hiện bà T có thiếu bà T số tiền 700.00.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bà T trả số tiền 700.00.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) đồng là có cơ sở theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Trong các giấy mượn tiền giữa bà T và bà T không có phần xác nhận nợ của ông Nguyễn Văn S (là chồng bà T) và ông Thiệu Phú D (là chồng bà T). Ông S xác nhận số tiền mà bà T cho bà T mượn không liên quan đến ông và ông cũng không có ý kiến gì. Ông D xác nhận không liên quan, không biết và cũng không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cũng không yêu cầu trách nhiệm liên đới của ông Thiệu Phú D (là chồng bà T), quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà T xác nhận nợ, hứa sẽ trả khi nào bán được nhà. Tuy nhiên bà T không đưa ra được phương hướng, kế hoạch trả nợ cụ thể. Bà T yêu cầu tự mình chịu trách nhiệm với số nợ 700.00.000 đồng. Xét đề nghị này của nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Xét yêu cầu bị đơn trả một lần toàn bộ số 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng) khi án có hiệu lực pháp luật.*

Xét thấy, theo các “Giấy mượn tiền” viết tay, hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, tuy nhiên thời gian mượn đã lâu nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện tiếp nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T, nên yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại số tiền 700.00.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) một lần, khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 196, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng:

- Điều 155, Điều 166, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

Buộc bị đơn bà Trần Thị Lan T có trách nhiệm trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị T số tiền 700.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 12/3/2015.

Phương thức và thời hạn trả: Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Lan T chịu số tiền 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0012817 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận K cho bà Nguyễn Thị T.

3. Địa điểm thi hành: Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Thành phố H;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Thùy Trang